

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/DS-PT**  
Ngày: 07-3-2023  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Khanh

*Các Thẩm phán:* Bà Bùi Thị Thu Hằng

Ông Lò Văn Lịch

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngọc Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Vân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/02/2023 và ngày 07/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X; địa chỉ: Bản B, phường B, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Trần Mạnh T và bà Phan Thị Trang Đ; cùng địa chỉ: Số nhà X, tổ Z, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Mạnh T và bà Phan Thị Trang Đ:**

Bà Lê Thị Thu - Luật sư của Công ty Luật TNHH MIBI LAW thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: số 16A 04, Tòa Bonnaza, số 23 Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (có mặt ngày 15/02/2023, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/3/2023).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:** Bà Lê Thị Phương; địa chỉ: Số nhà 68, tổ dân phố 08, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

**4. Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Do trước đây là hàng xóm của nhau, khoảng 14 đến 15 giờ ngày 03/9/2019 tại nhà bà X tại Bản Noong Bua, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; ông T và bà Đ có vay của bà X số tiền 850.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/12/2020 sẽ trả T bộ số tiền vay, hai bên có thỏa thuận bằng miệng tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến hạn mặc dù bà X đã đòi nhiều lần nhưng bên vay không trả tiền. Cho đến nay chưa trả được số tiền gốc và lãi. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, cuối phiên tòa có thay đổi lời khai về thời gian hai bên vay tiền (cho rằng mình cao tuổi nên không nhớ rõ về thời gian cụ thể là giờ nào), về việc trả lãi (chỉ nhớ ông T trả lãi khoảng 6 - 7 tháng nhưng không nhớ rõ tiền lãi mỗi tháng là bao nhiêu). Do tình cảm hàng xóm và tin tưởng nhau nên không ký chân trang khi làm hợp đồng, không làm giấy tờ khi giao tiền.

**2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:**

Ông T, bà Đ khẳng định chưa bao giờ đến nhà bà Nguyễn Thị X và không vay mượn tiền hay tài sản gì với bà X, không ký bất kỳ hợp đồng vay tiền hay văn bản nào với bà X, không được nhận số tiền 850.000.000 đồng mà bà X khởi kiện.

Vợ chồng ông T chỉ vay tiền của bà Lê Thị Phương là con gái bà X. Do quen biết nên ông T đã nhiều lần vay tiền bà Phương từ nhiều năm nay, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, thường là mẫu in sẵn do bà Phương soạn trước, để trống phần nội dung như tên người vay, người cho vay, số tiền vay, thời hạn vay... khi vay tiền mới điền vào. Các lần vay cho đến nay ông T đã trả hết cho bà Phương và thường trả tiền qua hình thức chuyển khoản ngân hàng. Hai bên thỏa thuận sau khi ông T trả tiền bà Phương sẽ tự hủy bỏ hợp đồng vay đã ký giữa hai bên. Do nhiều lần vay và trả tiền như vậy nên vợ chồng ông T hoàn toàn tin tưởng bà Phương nên khi bà Phương đưa mẫu hợp đồng, vợ chồng ông T có ký không vào bên vay tiền một hợp đồng vay tiền cho bà Phương. Bị đơn khẳng định hợp đồng vay tiền mà bà X nộp cho Tòa án chính là bản bị đơn đã ký không cho bà Phương, bà Phương đã không tự hủy đi khi bị đơn trả tiền mà đưa cho bà X làm chứng cứ để khởi kiện trong vụ án này. Bị đơn chỉ ký vào trang 2 của Hợp đồng vay tiền trên tại thời điểm ký là ngày 24/9/2019 tại nhà bị đơn ở số nhà 173, tổ dân phố 12, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên để vay của bà

Phương số tiền 700.000.000 đồng. Khi ký hợp đồng vay tiền không có chữ ký bên cho vay, không có nội dung số tiền và chỉ ký một bản cho bà Phương giữ. Số tiền đã vay ông T, bà Đ đã thanh toán xong cho bà Phương (có chứng từ ngân hàng), hiện tại không còn nợ khoản tiền nào với bà Phương. Bị đơn cho rằng Hợp đồng vay tiền mà nguyên đơn giao nộp là hợp đồng không có thật vì T bộ các nội dung viết tay (mực xanh) trong trang 1 và trang 2 của Hợp đồng là do bà X tự viết hoặc nhờ người nào đó viết vào, vợ chồng ông T bà Đ chưa bao giờ vay bà X và chưa từng ký với bà X hợp đồng vay tiền nào. Vợ chồng ông T cũng không phải là bên B “Bên nhận tiền” được ghi trong trang 2 hợp đồng vì trang 2 không định nghĩa Bên B là bên nào. Trang 1 có nêu Bên B là ông T nhưng trang 1 bà X tự ghép vào với trang 2, ông T bà Đ không biết gì về nội dung trang 1 và không ký vào trang 1. Ngoài ra, trang 1 ghi bên B là ông T (gạch bà) trong khi trang 2 người ký lại là ông T và bà Đ là không thống nhất. Còn việc vay, trả tiền giữa vợ chồng ông T và bà Phương đã thực hiện xong nên bị đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, tại thời điểm 14 đến 15h ngày 03/9/2019, ông T đang ở Sơn La và bà Đ đang đi dạy tại Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật tỉnh Điện Biên (có người làm chứng, chứng cứ).

Do đó bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 117, 122, 127 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên Hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 vô hiệu do không đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự và do có yếu tố lừa dối về chủ thể. Không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Bác T bộ yêu cầu khởi kiện của bà X.

- Yêu cầu bà X phải công khai xin lỗi ông T, bà Đ và bồi thường thiệt hại cho bị đơn là 30.628.000 đồng gồm: Chi phí thuê luật sư và chi phí đi lại của luật sư (theo các chứng từ bị đơn nộp tại phiên tòa).

### **3. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Phương trình bày:**

Tôi là con gái của bà Nguyễn Thị X (nguyên đơn trong vụ án). Tôi là hàng xóm và có quen biết anh Trần Mạnh T và chị Phan Thị Trang Đ (bị đơn trong vụ án). Tôi không có mâu thuẫn, thù oán gì với anh chị T, Đ. Ngày 03/9/2019 khi tôi đến nhà bố mẹ tôi tại Bản Noong Bua, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên chơi. Khi đó có mặt mẹ tôi và vợ chồng anh T, chị Đ ở đó. Mẹ tôi nhờ tôi viết nội dung trong Hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 (mẫu in sẵn). Tôi chỉ biết là anh T, chị Đ đến vay mẹ tôi tiền. Tôi không biết và không chứng kiến việc giao nhận tiền giữa các bên. Có nhiều lần anh T, chị Đ vay tiền tôi, mục đích vay để làm gì thì tôi cũng không quan tâm vì là việc cá nhân của anh chị. Mỗi lần vay tiền tôi và anh chị đều làm giấy tờ và không có việc ký khống như anh T khai, vì mỗi lần anh T trả tiền tôi đều hủy Hợp đồng vay tiền trước mặt anh T. Tôi không liên quan gì đến việc vay tiền giữa mẹ tôi và vợ chồng anh T, chị Đ trong vụ án này. Còn việc anh T cho rằng anh T đã chuyển khoản cho tôi số tiền 700.000.000 đồng là việc vay và trả tiền giữa tôi và anh T, không liên quan

đến khoản nợ của mẹ tôi. Tôi đề nghị Tòa án không xác định tôi là người làm chứng hay người liên quan trong vụ án này, không triệu tập tôi tham gia tố tụng trong vụ án vì tôi không liên quan. Bà Phương đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do mới sinh con, sức khỏe còn yếu.

#### **4. Lời khai của người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị Thơm trình bày: Từ ngày 01 đến ngày 02/9/2019 lớp 9D trường THCS thị trấn Sông Mã, tỉnh Sơn La tổ chức kỷ niệm 20 năm ngày ra trường tại Sông Mã, Sơn La. Khoảng 10 giờ ngày 03/9/2019 đến trưa ngày 03/9/2019 bà Thơm và một số bạn trong đó có bạn T tới nhà Sùng tại số nhà 123, Nguyễn Lương Bằng, tổ 2, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La chơi và ăn trưa đến khoảng 14 giờ cùng ngày, do không có phương tiện nên bà Thơm đã nhờ T chở qua nhà em trai cách đó khoảng 6km. Lúc đến nhà em trai bà Thơm là khoảng 15 giờ chiều cùng ngày, sau đó T đi về, đến khoảng 18 giờ 15 phút T nhắn tin trên Zalo nhóm lớp là đã về tới nhà tại Điện Biên an T. Bà Thơm đọc tin nhắn và nhắn lại “nhanh nhì” vào khoảng 18 giờ 28 phút cùng ngày. Bà Thơm cam đoan lời khai của mình là sự thật, nếu sai hoàn toàn T chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Ông Trần Văn Sùng trình bày: Ông thống nhất nội dung về hợp lớp như trình bày của bà Thơm. Ông Sùng xác nhận việc ông T đã đến ăn trưa ở nhà ông Sùng từ khoảng 11 giờ 30 phút đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/9/2019. Khoảng 18 giờ 30 phút ông T nhắn tin trên Zalo nhóm lớp là đã về tới nhà tại Điện Biên an T. Ông Sùng cam đoan lời khai của mình là sự thật, nếu sai hoàn toàn T chịu trách nhiệm trước pháp luật.

#### **5. Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập:**

- Tại Văn bản trả lời liên quan đến số điện thoại của Viettel Điện Biên cung cấp: STB 0987334334, họ và tên Trần Mạnh T, số CMT: 040417171. Tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận đó là số điện thoại của mình.

- Tại Kết luận giám định số 505/KL-KTHS ngày 12/4/2022 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Mạnh T, Phan Thị Trang Đ trên tài liệu cần giám định với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Mạnh T, Phan Thị Trang Đ trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

- Tại Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 20/9/2022: Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên trả lời như sau: Về việc trưng cầu giám định tuổi mực của văn bản (chữ viết bằng mực bút bi màu xanh) của trang 1 và trang 2 của hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 là không tiến hành giám định được; Hợp đồng không có dấu hiệu của việc tạo dựng, cắt ghép.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 122, 127 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc buộc ông Trần Mạnh T và bà Phan Thị Trang Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc đã vay là 850.000.000 đồng (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo T bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa T bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị X giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

### **+ Ý kiến phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:**

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm từ khi thụ lý vụ án đến ban hành, tổng đạt các văn bản tố tụng đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo, người kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về tính hợp pháp của hợp đồng: Hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 là hợp đồng có kỳ hạn theo quy định của pháp luật, đã thể hiện đầy đủ ý chí của các bên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc mình đã ký không vào hợp đồng vay tiền. Do vậy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật cần chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa T bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên buộc anh Trần Mạnh T và chị Phan Thị Trang Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị X 850 triệu đồng và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X:

Ngày 04/10/2022, bà Nguyễn Thị X kháng cáo T bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, bà Nguyễn Thị X đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; như vậy đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị X là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để tiến hành xem xét nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Phương là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 210). Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà Lê Thị Phương.

**[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị X:**

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và bị đơn là ông Trần Mạnh T, bà Phan Thị Trang Đ:

Hợp đồng vay tiền đề ngày 03/9/2019 do bà Nguyễn Thị X cung cấp là bản đánh máy in sẵn, có một số nội dung để trống dưới dạng chấm chấm (.....) gồm 2 trang, không đánh số trang, được in trên 2 tờ giấy A4. Tại trang 1 (BL 09): Ở bên B (bên vay tiền) ghi tên ông Trần Mạnh T và các thông tin như ngày tháng năm sinh, số CMTND, số điện thoại, nghề nghiệp... của ông T. Ở phần nội dung tại mục 1 thể hiện: "... bà Nguyễn Thị X đồng ý cho ông Trần Mạnh T vay với số tiền là: 850.000.000 VNĐ...". Trong khi đó, tại trang 2, ở mục 9 có ghi: "Hai bên cam kết ký vào giấy vay tiền...". Ở mục 7 trang 2 (BL 08) ghi: "Kể từ thời điểm bên B ký vào hợp đồng vay tiền, bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền do bên A chuyển giao là: 850.000.000 (Tám trăm năm mươi triệu đồng)". Ở phần "NGƯỜI VAY TIỀN" có chữ ký, chữ viết của ông Trần Mạnh T và bà Phan Thị Trang Đ.

Bị đơn ông T, bà Đ khẳng định hợp đồng vay tiền mà bà X nộp cho Tòa án chính là bản bị đơn đã ký không cho bà Phương, bà Phương đã không tự hủy đi khi bị đơn đã trả hết số tiền vay mà đưa cho bà X làm chứng cứ để khởi kiện. Hợp đồng vay tiền mà bà X giao nộp là hợp đồng không có thật vì T bộ các nội dung viết tay (mực xanh) trong trang 1 và trang 2 của Hợp đồng là do bà X tự viết hoặc nhờ người nào đó viết vào, vợ chồng ông T bà Đ chưa bao giờ vay tiền của bà X và chưa từng ký với bà X hợp đồng vay tiền nào. Vợ chồng ông T cũng không phải là bên B "Bên nhận tiền" được ghi trong trang 2 hợp đồng vì trang 2 không định nghĩa Bên B là bên nào. Trang 1 có nêu Bên B là ông T nhưng trang 1 bà X

tự ghép vào với trang 2, ông T bà Đ không biết gì về nội dung trang 1 và không ký vào trang 1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Phương cũng khẳng định: Bà X nhờ bà Phương viết nội dung trong Hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 (mẫu in sẵn) vào khoảng 14 đến 15 giờ gì đó, việc điền các thông tin trong hợp đồng mất bao nhiêu thời gian thì bà Phương không nhớ do không để ý thời gian. Ngày 03/3/2023 bà Phương gửi đơn cho Hội đồng xét xử phúc thẩm, bà vẫn khẳng định việc điền các thông tin trong hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 là do chính mẹ bà (bà Nguyễn Thị X) nhờ bà viết hộ, vì thời gian đã quá lâu nên bà không thể nhớ được viết vào ngày giờ cụ thể nào, còn việc ký kết hợp đồng và giao nhận tiền giữa bà X và vợ chồng anh T chị Đ bà Phương không được chứng kiến. Ông T, bà Đ cho rằng hợp đồng vay tiền mà bà X nộp cho Tòa án chính là bản vợ chồng ông T đã ký không cho bà Phương, bà Phương đã không tự hủy đi khi ông T đã trả tiền mà đưa cho bà X làm chứng cứ để khởi kiện trong vụ án này là không đúng; vì mỗi lần vay tiền sau khi ông T trả tiền bà Phương đều hủy Hợp đồng vay tiền trước mặt ông T.

#### **Hội đồng xét xử thấy rằng:**

- Về nội dung trong hợp đồng vay tiền đề ngày 03/9/2019 không có sự thống nhất về tên gọi “Hợp đồng vay tiền” hay “Giấy vay tiền”, về chủ thể “Bên vay tiền” hay “Người vay tiền” là do cách dùng từ, về bản chất sự việc không có gì khác. Tại trang 1 không có chữ ký nháy (ký chân trang) của ông T, bà Đ cũng như bà X, nhưng tại trang 2 có đầy đủ chữ ký của bà X, ông T, bà Đ; giữa trang 1 và trang 2 có tính logic cả hình thức lẫn nội dung hợp đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà Đ cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới là các hình ảnh của gia đình chị Phương (con gái bà X) đang đi du lịch tại Quy Nhơn, Bình Định và các tỉnh Miền Nam... vào ngày 02/9/2019 và khẳng định chị Phương không thể có mặt tại Điện Biên để viết hộ hợp đồng cho bà X vào ngày 03/9/2019 được, vì vậy ông T bà Đ cho rằng hợp đồng ngày 03/9/2019 ông bà đã ký là không có thật và không công nhận hợp đồng này, mà xác định hợp đồng ngày 03/9/2019 chính là hợp đồng ông bà đã ký không với chị Phương ở thời điểm trước đó và đã trả hết số tiền vay cho chị Phương rồi.

Qua các tài liệu, chứng cứ ông T, bà Đ đã cung cấp ở Tòa án cấp sơ thẩm và bổ sung tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy không có bất kỳ tài liệu nào để chứng minh cho việc ông T, bà Đ đã ký không vào hợp đồng vay tiền với bà Phương (thời gian ký, địa điểm ký...) và không có tài liệu, chứng cứ nào để bác bỏ việc ông T bà Đ không ký vào bất kỳ hợp đồng vay tiền nào với bà X. Mặt khác Ông T, bà Đ đều khẳng định tại phiên tòa phúc thẩm khi ký hợp đồng “không” với bà Phương hoàn toàn tinh táo và là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được việc mình làm, không bị ai ép buộc. Ở phần “NGƯỜI VAY TIỀN” trong hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019; chữ ký, chữ viết đúng là của ông Trần Mạnh T và bà Phan Thị Trang Đ; các tài liệu, chứng cứ ông T bà Đ đã cung cấp và quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa không có căn cứ để chấp nhận việc thoái thác nghĩa vụ trả nợ

trong giao dịch dân sự (*giao dịch dân sự giữa các bên hoàn T tự nguyện thỏa thuận, thống nhất ký kết hợp đồng theo đúng các quy định của Bộ luật dân sự, không trái đạo đức xã hội; do vậy, không có căn cứ để xác định giao dịch dân sự tại hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 vô hiệu “theo Điều 122 Bộ luật dân sự”*). Vụ án dân sự không giống như các vụ án hình sự mà căn cứ vào các loại tài liệu, chứng cứ khách quan khác để chứng minh cho hành vi ngoại phạm của tội phạm).

Tại biên bản đối chất, biên bản hòa giải ngày 25/02/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm: Ông T, bà Đ đều khẳng định không có việc vay tiền của bà Nguyễn Thị X; bà X khởi kiện hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 là hợp đồng ông T, bà Đ đã ký không với bà Phương. Nhưng các nội dung tin nhắn mà bà X cung cấp cho Tòa án ở cấp sơ thẩm và bổ sung trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đều thể hiện: Ông T có vay nợ tiền của bà X và xin khất nợ nhiều lần trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 8/2021; phù hợp với lời khai của bà X về việc ông T bà Đ có vay của bà X số tiền 850.000.000 đồng vào ngày 03/9/2019, hẹn đến ngày 30/12/2020 sẽ trả T bộ số tiền vay.

- Mặt khác, tại bản Kết luận giám định số 505/KL-KTHS ngày 12/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: “*Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Mạnh T, Phan Thị Trang Đ trên tài liệu cần giám định với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Mạnh T, Phan Thị Trang Đ trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra*”. Tại Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 20/9/2022: Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên trả lời như sau: “*Về việc trưng cầu giám định tuổi mực của văn bản (chữ viết bằng mực bút bi màu xanh) của trang 1 và trang 2 của hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 là không tiến hành giám định được; về việc hợp đồng có các nội dung được in sẵn là bản phô tô, nội dung chữ viết tay được viết trực tiếp, không có dấu hiệu của việc tạo dựng, cắt ghép*”.

**[2.2]** Về việc giao nhận tiền giữa các bên theo hợp đồng vay tiền đề ngày 03/9/2019:

Ông T, bà Đ trình bày: Vào thời điểm 14 đến 15h ngày 03/9/2019, ông T đang ở Sơn La và bà Đ đang đi dạy tại Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật tỉnh Điện Biên (có bà Nguyễn Thị Thơm, ông Trần Văn Sùng làm chứng). Tuy nhiên, theo lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Thơm, ông Trần Văn Sùng thì vào khoảng 18 giờ 15 phút đến 18 giờ 30 phút ngày 03/9/2019 ông T đã về tới nhà tại Điện Biên. Bà Đ khi đó cũng đã hết giờ dạy học tại Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà X trình bày: Do con gái bà là chị Lê Thị Phương đến nhà bà chơi vào khoảng 14 đến 15 giờ chiều (không nhớ chính xác ngày viết hộ hợp đồng) bà có nhờ chị Phương điền các thông tin trong hợp đồng còn việc ký kết hợp đồng và chuyển giao tiền cho vợ chồng anh T, chị Đ thì chị Phương không chứng kiến; thực tế trong hợp đồng vay tiền cũng không thể hiện thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc việc giao dịch giữa các bên, do thời gian đã quá lâu, anh T cũng đã nhiều lần vay tiền của bà nên bà không nhớ rõ giờ

thực hiện ký kết hợp đồng này, bà X khẳng định hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 giữa bà và vợ chồng anh T, chị Đ là hoàn T có thật.

Về việc giao nhận tiền giữa hai bên: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bà X xuất trình giấy giao nhận tiền giữa các bên, nhưng bà X không xuất trình được và bà cho rằng việc xác lập giấy giao nhận tiền giữa các bên là không cần thiết vì: Tại trang 2 Hợp đồng trên có nêu "... kể từ thời điểm Bên B ký vào Hợp đồng vay tiền, Bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền do Bên A chuyển giao..." và ở nội dung tại mục 7 của hợp đồng đã thể hiện bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền do bên A chuyển giao là 850.000.000 đồng và có đầy đủ chữ ký của người vay tiền.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tiền đề ngày 03/9/2019 được xác lập giữa bên cho vay là bà X và bên vay là ông T, bà Đ với số tiền vay 850.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi vì, hợp đồng vay tiền đề ngày 03/9/2019 giữa các bên đã đáp ứng được đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng vay tiền ngày 03/9/2019 giữa bà Nguyễn Thị X và ông Trần Mạnh T, bà Phan Thị Trang Đ vô hiệu, không chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của bà X là chưa đúng quy định của pháp luật, không bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của bà X. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần chấp nhận nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; sửa T bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, buộc ông Trần Mạnh T và bà Phan Thị Trang Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc đã vay là 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng).

+ Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, ông Trần Mạnh T đề nghị Hội đồng xét xử chuyển T bộ hồ sơ vụ án đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên để điều tra làm rõ hành vi gian dối của bà X và bà Phương nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông từ hợp đồng ký không ngày 03/9/2019. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông T, bà Đ ở hợp đồng vay tiền đề ngày 03/9/2019, sau khi có kết quả giám định ông T, bà Đ không có ý kiến khiếu nại về kết quả giám định trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các bên và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án, để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Để đảm bảo theo đề nghị và nguyện vọng; ông T, bà Đ có quyền làm đơn gửi đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên xem xét giải quyết theo thẩm quyền (nếu có yêu cầu).

### **[3] Về chi phí tố tụng:**

- Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 10.920.000 đồng (theo phiếu thu ngày 12/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên). Do yêu cầu khởi

kiện của bà Nguyễn Thị X được chấp nhận nên bị đơn ông T, bà Đ phải chịu T bộ chi phí này (*Bà X đã nộp tạm ứng số tiền này*).

- Về chi phí cho người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn: Do những người làm chứng tự nguyện không yêu cầu thanh toán, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

#### **[4] Về án phí:**

**[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 1 Điều 147/BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Trần Mạnh T và bà Phan Thị Trang Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

**[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 148/BLTTDS và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0002016, ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thị X. Sửa T bộ bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Buộc ông Trần Mạnh T và bà Phan Thị Trang Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc đã vay là 850.000.000 đồng (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

#### **2. Về chi phí tố tụng:**

- Ông T và bà Đ phải chịu 10.920.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết (*trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền trên mà bà X đã nộp*).

- Về chi phí cho người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn: Do những người

làm chứng tự nguyện không yêu cầu thanh toán, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **3. Về án phí:**

**3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 1 Điều 147/BLTTDS; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Trần Mạnh T và bà Phan Thị Trang Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 18.750.000 đồng (*mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001681, ngày 19/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

### **3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:**

Căn cứ khoản 2 Điều 148/BLTTDS và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0002016, ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 07/3/2023)/.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND thành phố Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TP. Điện Biên Phủ;
- Các đương sự; Luật sư;
- Lưu: hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Phan Văn Khanh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lò Văn Lịch**

**Bùi Thị Thu Hằng**

**Phan Văn Khanh**